

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: 13/2020/KDTM- ST
Ngày: 30/7/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng đại lý

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tuấn - Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chấn

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm: Ông Lưu Văn A- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử án kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2020/TLST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đại lý*” theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 và các quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST - HPT ngày 08/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 25/7/2020 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng X – Sinh năm 1966

Địa chỉ: Thị trấn Mậu A, huyện E, Yên Bái

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chiến Z; Sinh năm 1959

Địa chỉ: Phòng 105 – A5 V, B, Hà Nội

Bà Lưu Thị Kiều C ; Sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố số 13 – O, phường Đ 1, quận N, Hà Nội

Bị đơn: Công ty Cổ phần Q

Địa chỉ: Số 138 đường W, xã W, huyện K, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Văn Z – Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Hồng Quang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị M, Sinh năm 1968

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị Kiều C ; Sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố số 13 – O, phường Đ 1, quận N, Hà Nội

*(Ông Nguyễn Chiến Z, ông Tạ Văn Z có mặt tại phiên tòa, bà C
mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Bà Lưu Thị Kiều C và ông Nguyễn Chiến Z thống nhất trình bày:

Vào tháng 09/2018, vợ chồng ông Hoàng X và bà Bùi Thị M được các nhân viên thị trường của Công ty Cổ phần Q trao đổi về việc Công ty mong muốn mở cửa hàng bán lẻ tại huyện E, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng ông bà M Anh đồng ý hợp tác để mở đại lý phân phối hàng hóa dịch vụ theo phương thức của hệ thống cửa hàng Q bằng việc ông Hoàng X đã ký hợp đồng đại lý nhượng quyền kinh doanh (*Cửa hàng Q*) số 51_2018/HDHT_BF với Công ty Cổ phần Q vào ngày 12/9/2018 (do ông Hoàng X là chủ đại lý).

Sau khi hoạt động một thời gian, việc kinh doanh không có lợi nhuận nên ông bà M Anh có đề nghị Công ty Cổ phần Q việc chấm dứt kinh doanh của đại lý. Phía Công ty đồng ý và giải quyết quyền lợi cho gia đình ông bà M Anh bằng cách mua lại toàn bộ số lượng hàng còn lại của cửa hàng với giá 70% giá trị hàng hóa ban đầu tương đương với số tiền là 388.146.360 đồng.

Ngày 22/05/2019, hai bên đã tiến hành quyết toán công nợ. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/5/2019, đại diện Công ty là ông Tạ Văn Z đã xác nhận số tiền còn nợ Đại lý Mậu A – Yên Bái (Nguyễn Thị M Anh) số tiền là: 390.801.660 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu tám trăm linh một nghìn sáu mươi sáu đồng*).

Ngày 21/08/2019, hai bên đã tiến hành lập Biên bản thanh lý hợp đồng và thống nhất: Công ty Cổ phần Q thanh toán cho ông bà M Anh giá trị thanh lý hợp đồng là: 390.801.660 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu tám trăm linh một nghìn sáu mươi sáu đồng*). Thời gian áp dụng chi trả: chậm nhất sau 3 tháng kể từ ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Ngày 27/11/2019, Công ty mua lại của vợ chồng ông bà M Anh số lượng 39 giá kệ gỗ và 2 chiếc bàn xoay với số tiền là: 20.900.000 đồng (*Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng*) và đã lập Văn bản thỏa thuận mua bán hàng hóa thanh lý số 271119/HĐMB-BTTA/2019.

Như vậy, đến ngày 27/11/2019, Công ty Cổ phần Q còn nợ ông bà M Anh số tiền là: 411.701.660 đồng (*Bốn trăm mười một triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*).

Sau nhiều lần yêu cầu thanh toán, ngày 08/01/2020, Công ty Cổ phần Q đã trả vào tài khoản của ông Hoàng X tại Ngân hàng BIDV, số tài khoản 3711 0000 3899 16 số tiền là 100.000.000 đồng và vẫn còn nợ số tiền là: 311.701.660 đồng (*Ba trăm mười một triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*).

Đến nay quá thời hạn cam kết, Công ty Cổ phần Q vẫn không thanh toán số nợ còn lại. Vợ chồng ông bà M Anh đã nhiều lần liên hệ yêu cầu phía Công ty Cổ phần Q và đại diện theo pháp luật là ông Tạ Văn Z trả nợ, tuy nhiên phía Công ty đưa ra nhiều lý do để trốn tránh nghĩa vụ thanh toán.

Do đó, kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện K buộc Công ty cổ phần Q thanh toán cho vợ chồng ông bà M Anh số tiền là: 311.701.660 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*).

Buộc Công ty W phải thanh toán tiền lãi chậm trả, cụ thể :

Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 21/08/2019, thời gian áp dụng chi trả thanh lý hợp đồng : chậm nhất (sau 3 tháng kể từ ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng) đến ngày 21/11/2019.

Do đó, yêu cầu Công ty W phải thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 21/8/2019 đến thời điểm xét xử vụ án là ngày 25/7/2020 (11 tháng 03 ngày) là: 32.015.734 đồng(có bản giải trình tính lãi gửi kèm)

Ngoài ra ông Hoàng X không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty cổ phần Q do ông Tạ Văn Z là đại diện theo pháp luật trình bày:

Tháng 09/2018, vợ chồng ông Hoàng X và bà Bùi Thị M được các nhân viên thị trường của Công ty Cổ phần Q trao đổi về việc Công ty mong muốn mở cửa hàng bán lẻ tại huyện E, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng ông Anh đồng ý hợp tác để mở đại lý phân phối hàng hóa dịch vụ theo phương thức của hệ thống cửa hàng Q bằng việc ông Hoàng X đã ký hợp đồng đại lý nhượng quyền kinh doanh (*Cửa hàng Q*) số 51/2018/HDHT_BF với Công ty Cổ phần Q vào ngày 12/9/2018 (do ông Hoàng X là chủ đại lý). Do việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn không có lợi nhuận nên đến ngày 22/05/2019, hai bên đã tiến hành quyết toán công nợ. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/5/2019, đại diện Công ty là ông Tạ Văn Z đã xác nhận số tiền còn nợ Đại lý Mậu A – Yên Bái (Nguyễn Thị M Anh) số tiền là: 390.801.660 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu tám trăm linh một nghìn sáu mươi sáu đồng*).

Ngày 21/08/2019, hai bên đã tiến hành lập Biên bản thanh lý hợp đồng và thống nhất: Công ty Cổ phần Q thanh toán cho ông bà M Anh giá trị thanh lý hợp đồng là: 390.801.660 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu tám trăm linh một nghìn sáu mươi sáu đồng*). Thời gian áp dụng chi trả: chậm nhất sau 3 tháng kể từ ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Ngày 27/11/2019 Công ty cổ phần Q đã chốt nợ với ông Hoàng X số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng đại lý nhượng quyền kinh doanh được ký kết giữa ông Hoàng X với Công ty cổ phần Q cụ thể là: Tính đến ngày 27/11/2019, Công ty Cổ phần Q còn nợ ông bà M Anh số tiền là: 411.701.660 đồng (*Bốn trăm mười một triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*).

Đến ngày 08/01/2020, Công ty Cổ phần Q đã trả vào tài khoản của ông Hoàng X tại Ngân hàng BIDV, số tài khoản 3711 0000389916 số tiền là 100.000.000 đồng và vẫn còn nợ số tiền là: 311.701.660 đồng (*Ba trăm mười một triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*).

Đến nay Công ty Cổ phần Q xác nhận còn nợ ông Hoàng X số tiền là: 311.701.660 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*).

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng X Công ty Cổ phần Q hiện nay đang khó khăn nên đề nghị ông Anh tạo điều kiện giãn thời gian trả nợ cho Công ty Cổ phần Q

Nếu ông Hoàng X không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía Nguyên đơn bà Bùi Thị M do bà Lưu Thị Kiều C là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà M là vợ ông Hoàng X xác nhận lời khai của ông Anh đã khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng không có ý kiến gì bổ sung. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà các đương sự không xuất trình tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tất cả các đương sự tham gia phiên tòa không có đề nghị gì về việc đưa thêm người vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hay có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập khi toà án giải quyết vụ án.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân

sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.
- Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự tại phiên toà đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung vụ án:**

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng X, buộc Công ty Cổ phần Q phải trả cho ông Hoàng X số tiền nợ gốc: 311.701.660 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*) và số tiền lãi tính theo Điều 306 Luật thương mại tính đến ngày 25/7/2020 do Nguyên đơn có yêu cầu như vậy.

- Về án phí: Vụ án này thụ lý ngày 11/02/2020 nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Việc giao dịch giữa ông Hoàng X với Công ty Cổ phần Q để thực hiện Hợp đồng đại lý nhượng quyền kinh doanh nh- đã thể hiện trong hợp đồng ngày 12/9/201. Do vậy có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định việc giao dịch giữa ông Hoàng X với Công ty Cổ phần Q là hợp đồng đại lý. Tranh chấp giữa ông Hoàng X với Công ty Cổ phần Q thoả mãn quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K-Hà Nội.

Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án không xét

[2]. Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là Công ty Cổ phần Q thanh toán tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đại lý nhượng quyền kinh doanh xét thấy:

Căn cứ vào hợp đồng đại lý nhượng quyền kinh doanh ngày 12/9/2018 giữa ông Hoàng X với Công ty Cổ phần Q. Do hoạt động một thời gian, việc kinh doanh không có lợi nhuận nên ông Anh có đề nghị Công ty Cổ phần Q việc chấm dứt kinh doanh của đại lý. Phía Công ty đồng ý và giải quyết quyền lợi cho gia đình ông Anh bà M bằng cách mua lại toàn bộ số lượng

hàng còn lại của cửa hàng với giá 70% giá trị hàng hóa ban đầu tương đương với số tiền là 388.146.360 đồng.

Ngày 22/05/2019, hai bên đã tiến hành quyết toán công nợ. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/5/2019, đại diện Công ty là ông Tạ Văn Z đã xác nhận số tiền còn nợ Đại lý Mậu A – Yên Bái (Nguyễn Thị M Anh) số tiền là: 390.701.660 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu bảy trăm linh một nghìn sáu mươi sáu đồng*).

Ngày 21/08/2019, hai bên đã tiến hành lập Biên bản thanh lý hợp đồng và thống nhất: Công ty Cổ phần Q thanh toán cho ông bà M Anh giá trị thanh lý hợp đồng là: 390.701.660 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu bảy trăm linh một nghìn sáu mươi sáu đồng*). Thời gian áp dụng chi trả: chậm nhất sau 3 tháng kể từ ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Ngày 27/11/2019, Công ty mua lại của vợ chồng ông bà M Anh số lượng 39 giá kệ gỗ và 2 chiếc bàn xoay với số tiền là: 20.900.000 đồng (*Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng*) và đã lập Văn bản thỏa thuận mua bán hàng hóa thanh lý số 271119/HĐMB-BTTA/2019.

Như vậy, đến ngày 27/11/2019, Công ty Cổ phần Q còn nợ ông bà M Anh số tiền là: 411.701.660 đồng (*Bốn trăm mười một triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*).

Sau nhiều lần yêu cầu thanh toán, ngày 08/01/2020, Công ty Cổ phần Q đã trả vào tài khoản của ông Hoàng X tại Ngân hàng BIDV, số tài khoản 3711 0000 3899 16 số tiền là 100.000.000 đồng và vẫn còn nợ số tiền là: 311.701.660 đồng (*Ba trăm mười một triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*). Đến nay Công ty Cổ phần Q xác nhận còn nợ ông Hoàng X số tiền trên.

Do đó có đủ cơ sở kết luận Công ty Cổ phần Q đã vi phạm thời hạn thanh toán đ-ợc hai bên thỏa thuận tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 21/8/2019 mà hai bên đã ký kết. Như vậy Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng X buộc Công ty Cổ phần Q phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 30/7/2020 theo yêu cầu của nguyên đơn là: 311.701.660 đồng (*Ba trăm mười một triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*) tiền nợ gốc.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc công ty Cổ phần Q phải thanh toán tiền lãi chậm trả Hội đồng xét xử nhận thấy.

Do trong Hợp đồng đã ký, các bên không thỏa thuận về việc tính lãi phát sinh nên căn cứ vào điều 306 luật thương mại 2005, ông Hoàng X được quyền tính lãi từ thời điểm Công ty Cổ phần Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, ông Hoàng X chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 21/8/2019 là ngày hai bên thanh lý hợp đồng chốt nợ gốc. Xét thấy về

mức lãi suất căn cứ án lệ số 09/AL ngày 7/10/2016 của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì mức lãi suất để tính lãi là theo lãi suất nợ trung bình quá hạn của 3 ngân hàng tại thời điểm xét xử: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (6%/năm); Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (6,1%/năm); Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (6%/năm). Như vậy, mức lãi suất để tính lãi suất ông Hoàng X yêu cầu Công ty Cổ phần Q phải thanh toán là 6%/năm đối với khoản nợ chậm trả. Theo đó, Công ty Cổ phần Q còn nợ ông Hoàng X số tiền nợ gốc là: 311.701.660 đồng. Thời điểm bắt đầu phát sinh số tiền lãi của dư nợ gốc đối với hợp đồng có tranh chấp là ngày 21/8/2019 với mức lãi suất theo quy định là 6%/năm. Vậy số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/8/2019 đến 30/7/2020 (Phiên tòa sơ thẩm diễn ra) là 6%/năm x 311.701.660 đồng x 11 tháng 09 ngày = 17.963.337 đồng.

Từ những phân tích và lập luận ở trên buộc Công ty Cổ phần Q phải thanh toán cho ông Hoàng X tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/7/2020 là: 329.665.027 đồng. Trong đó nợ gốc là: 311.701.660 đồng (*Ba trăm mười một triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*) và số tiền lãi phải trả là: 17.963.337 đồng.

[3]. Về án phí:

Công ty Cổ phần Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền bị buộc phải thanh toán cho ông Hoàng X là: 16.483.251 đồng. Hoàn trả cho ông Hoàng X số tiền 7.792.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai 5216 ngày 14/5/2020.

Từ những nhận định trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điều 30, 35, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.
- Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng đại lý” giữa ông Hoàng X với Công ty Cổ phần Q.

2. Buộc Công ty Cổ phần Q phải thanh toán cho ông Hoàng X tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/7/2020 là: 329.665.027 đồng. Trong đó nợ gốc là: 311.701.660 đồng (*Ba trăm mười một triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*) và số tiền lãi phải trả là: 17.963.337 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền bị buộc phải thanh toán cho ông Hoàng X là: 16.483.251 đồng.

Hoàn trả cho ông Hoàng X số tiền 7.792. 000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai 5216 ngày 14/5/2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tr- ồng hợp quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đ- ồng sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đ- ồng sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày đ- ợc tổng đạt bản án./

Nơi nhân:

- VKSND huyện K;
- Chi cục THA DS K
- Các đ- ồng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Viết Tuấn